

T.N Dân Tộc - Trieva-  
1-5-95  
15

5.4.1

**Ngày 30-4-1975 là ngày bắt đầu giải phóng thực sự  
của dân Việt và suy vong của ĐCSVN**  
Tôn Thất Thiện

Ngày 30 tháng 4 năm nay, cũng như mọi năm, ĐCSVN sẽ rầm rộ tổ chức liên hoan kỷ niệm "ngày giải phóng" Sài Gòn trong khi những người chống cộng sản đang sống lưu vong tổ chức "ngày quốc hận". Nhưng nhìn lại những gì đã xảy ra trong 20 năm qua, và từ gần một thế kỷ nay, chúng ta thấy gì? Xét lại một cách kỹ càng và khách quan những luận đề của ĐCSVN về những gì đã xảy ra ở Việt Nam và cho dân Việt Nam, những người phía quốc gia có nên tiếp tục coi ngày 30/4/1975 như một ngày "quốc hận" nữa không, hay là phải coi đó là ngày bắt đầu của sự giải phóng thực sự của nhân dân Việt Nam và sự suy vong của ĐCSVN?

Một trong những luận đề của tuyên truyền cộng sản là trong 50 năm qua, nhờ có sự lãnh đạo anh minh của "Bác Hồ" và ĐCSVN mà nhân dân Việt Nam đã thắng lợi trong công cuộc tranh đấu dành lại độc lập và thống nhất xứ sở, đã anh dũng đánh bại được hai cường quốc thế giới, và tạo được điều kiện cho mọi người thực hiện tự do hạnh phúc. Do đó, công lao của ĐCS rất lớn, toàn dân phải tri ân đáp đền, và tiếp tục chấp nhận sự lãnh đạo tuyệt đối của nó mãi mãi.

Một luận đề khác là, trước "cách mạng tháng 8", trước khi ĐCSVN đứng ra lãnh đạo cuộc tranh đấu của dân, Việt Nam chẳng có gì đáng kể: các phong trào cách mạng và các đảng phái cách mạng trước khi ĐCSVN xuất hiện đều coi như không có giá trị. Họ không làm được gì cả, và không thể làm được gì cả, vì không có đường lối đúng, không có lãnh đạo yêu nước và anh minh như "Bác" và những lãnh tụ của ĐCSVN. "Bác và Đảng" đã có biệt tài về tổ chức và huy động dân chúng, và có một "khí giới" thần kỳ, là chủ thuyết Mác-Lê "bách chiến bách thắng".

Về chiến lược chiến thuật, ĐCSVN tự hào đã đánh bại hai cường quốc thế giới nhờ áp dụng "trường kỳ kháng chiến" và "chiến tranh nhân dân", dùng toàn lực, toàn dân, đánh toàn diện, lâu dài -- 9 năm chống Pháp và 11 năm chống Mỹ --.

Một luận đề khác nữa là các cuộc chiến anh dũng trên không những đã đem lại thắng lợi cho dân và ĐCSVN, mà còn làm nghiêng cán cân lực lượng thế giới về phe xã hội chủ nghĩa, chứng minh rằng trong cuộc đấu "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, lực lượng xã hội chủ nghĩa đã thắng rõ ràng và dành được vai trò chủ động định hướng đi của nhân loại. Do đó, tiếp

tục "kiên trì" con đường xã hội chủ nghĩa Mác-Lê là đúng. Đó là con đường mà "Bác Hồ" đã lựa chọn và "con đường duy nhất" mà toàn dân Việt Nam phải theo.

### **Thế giới và Việt Nam trước 1940**

Những luận đề trên đây của ĐCSVN có vẻ rất đúng nếu ta chỉ nhìn từ xa như người "cỡi ngựa xem hoa". Kẻ thắng trận muốn nói gì cũng được. Khi nào họ cũng có lý. Nhưng nếu ta xét kỹ vấn đề, và đặt Việt Nam vào trong khung cảnh thế giới từ giữa thế kỷ XIX đến nay, ta bắt buộc phải có những nhận định khác.

Trước hết, những phong trào và tổ chức chống Pháp trước 1945 đều thất bại. Ở đây ta phải nhấn mạnh là **trong số những phong trào và tổ chức đó có ĐCSVN**. Những phong trào do giới nho sỹ và vua Nhà Nguyễn lãnh đạo (Tự Đức, Tôn Thất Thuyết/Hàm Nghi, Trần Cao Vân/Duy Tân, Văn thân, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Đề Thám) đều thất bại một cách ngoạn mục. Nhưng những phong trào do thế hệ cách mạng "mới" (Quốc Dân Đảng, Đại Việt, và ĐCSVN) từ 1930 đến 1945 **cũng đều thất bại**, mà lại còn thất bại ngoạn mục hơn nữa, nhất là hai cuộc nổi dậy Nghệ Tĩnh năm 1930 và Nam Kỳ năm 1940 do ĐCS tổ chức và lãnh đạo. Tại sao? Có hai lý do chính, một lý do rõ ràng, dễ hiểu, và một lý do khó thấy hơn vì nó rất tế nhị.

Lý do thứ nhất là thời gian trong từ giữa thế kỷ XIX đến cuối Chiến tranh thế giới thứ hai các quốc gia Âu châu phát triển mạnh về mọi mặt, và nhất là về kỹ nghệ, nên họ rất hùng cường. Trong khi đó, Việt Nam, cũng như các quốc gia Á châu khác, còn rất lạc hậu mà lại rui ro gặp phải lãnh đạo không chịu cạnh tranh, vẫn khư khư bám vào những quan niệm cũ tuy đã mang lại huy hoàng cho họ trong quá khứ, nhưng trước tình trạng mới đã thành lỗi thời, không đáp ứng được những nhu cầu mới. Nhưng đồng thời, quen thói chuyên chế, họ lại ngông nghênh tự đắc theo đuổi một chính sách ngoại giao đối đầu, làm cho những tên thực dân tại chỗ có cơ để dùng binh, đặt chính phủ họ trước những sự dã rồi. Chỉ có hai quốc gia, Nhật Bản và Thái Lan, nhờ lãnh đạo sáng suốt, tránh được họa vong quốc.

Lý do thứ hai là dân Việt Nam, tuy không hèn, nhưng rất thực tế. Cái gì chắc ăn họ mới làm. Sau những thất bại ngoạn mục của các phong trào chống Pháp dưới các Triều Tự Đức, Hàm Nghi, Duy Tân, họ thấy chống Pháp trong những điều kiện như vậy không hy vọng gì thành công mà chỉ mang họa vào thân, nên họ không tham gia đông đảo nữa. Cuộc nổi dậy của Trần Cao Vân/Duy Tân là cuộc nổi dậy cuối cùng có sự tham gia của cả Vua, quan lẫn dân. Những phong trào chống Pháp sau đó -- Quốc Dân Đảng, Đại Việt, ĐCS Đông Dương -- là do sáng kiến của một số người, tuy tinh thần yêu nước cao, gan dạ, anh dũng, có óc hy sinh, nhưng chỉ là những nhóm nhỏ hoạt động lẻ tẻ, không có sự yểm trợ của một chính phủ, và nhất là không lôi kéo được đại chúng. Thêm nữa, họ nổi lên đánh đuổi Pháp ở một thời gian mà nước Việt

Nam yếu hơn khi nào hết, và Pháp, cũng như những cường quốc đế quốc khác, mạnh hơn bao giờ hết vì họ là kẻ chiến thắng trong Thế giới chiến thứ nhất.

### Thế giới và Việt Nam sau 1940

Tình trạng trên đây bắt đầu thay đổi năm 1940. Tháng 6 năm đó, Pháp bị Đức đánh bại và chiếm đóng, với những hậu quả lớn đối với tình hình Việt Nam. Một mặt chính phủ Pháp của Pétain không tiếp viện lực lượng của họ ở Việt Nam được vì không còn quân đội mà lại bị Đồng minh phong tỏa về hải quân, một mặt chính phủ lưu vong de Gaulle không có mặt ở Đông dương được vì viên toàn quyền Pháp Decoux theo Pétain.

Về phía các phong trào cách mạng, tình thế không thay đổi vì ở Đông Dương Pháp vẫn còn thực sự nắm quyền nhờ có 60.000 binh đội, trong đó hơn 10.000 quân gốc Pháp. Trong mắt người dân Việt bình thường, Pháp không còn uy thế như trước nữa. Nhưng họ cũng nghĩ rằng chưa phải lúc nổi dậy, vì chưa có sức để lật đổ được chính quyền thuộc địa Pháp ở Việt Nam. Ngay cả ĐCS cũng bất lực, vì tuy rằng họ không bị Stalin buộc phải đặt mình dưới quyền điều khiển của chức trách thuộc địa như cộng sản Mã Lai, họ cũng tay không như các đảng và tổ chức cách mạng Việt Nam khác.

Uy thế của Pháp sút giảm nữa khi Pháp không chống nổi cường ép của Nhật phải để cho Nhật đưa quân vào Đông Dương. Trong mắt người thường dân Việt, đây là một yếu tố làm cho họ nghĩ rằng họ có triển vọng thoát được đô hộ Pháp. Nhưng họ cho rằng vẫn chưa đến lúc nổi dậy mà thành công được vì Nhật vẫn để cho Pháp nắm quyền hành và có quân đội, và chính Nhật cũng muốn làm chủ ở Đông Dương, trong khi dân Việt Nam vẫn tay không. Nổi dậy trong những điều kiện đó là không thực tế, nên đại chúng vẫn bất động. Ngay cả sau khi Nhật lật đổ chính quyền Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945 dân chúng vẫn chưa chuyển động vì Nhật đang còn nắm quyền. Mãi đến tháng 8 năm đó, sau khi Hoa Kỳ thả bom nguyên tử, Nhật đầu hàng và rõ ràng không còn ý chí nắm quyền lực ở Việt Nam nữa dân chúng mới thực sự dấy động. Tuy vậy, họ vẫn chưa có một sự quyết định dứt khoát, ngay cả sau khi Hoàng Đế Bảo Đại thoái vị và trao quyền cho chính phủ Hồ Chí Minh, và trước mắt con đường đi đến độc lập đã mở rộng.

Câu hỏi trong trí người dân thực tiễn<sup>la</sup>, liệu chính phủ Hồ Chí Minh có thật sự tồn tại được hay không? Đả hấn là Pháp không còn khả năng gì đánh bại Việt Minh và trở lại nắm quyền ở Việt Nam hay không? Những câu hỏi này chỉ được trả lời vào cuối năm 1948, lúc rõ ràng là quân cộng sản Tàu đang đánh bại quân Tưởng Giới Thạch, và đặc biệt sau cuối năm 1949, lúc quân cộng sản đắc thắng trên toàn lục địa và tự do tràn xuống đến biên giới Hoa-Việt.

Ông Phạm Văn Đồng, trong một bài diễn văn, đã nói rằng cho đến năm 1948 Hồ Chí Minh và đồng đội vẫn còn phải ẩn nấp trong rừng sâu vì lúc đó chưa có hậu thuẫn mạnh mẽ của nhân dân. Điều này rất dễ hiểu: dân, nhất là dân thôn quê, lúc đó chưa chắc ai mạnh ai yếu nên chưa có ngả về phía nào cả.

Chỉ đến cuối năm 1950, lúc nhờ yểm trợ hùng hậu của Trung cộng quân đội ông Hồ đánh bại quân đội Pháp một cách ngoạn mục ở dọc biên giới Hoa-Việt, đại đa số dân chúng mới ngã hẳn về phía ông Hồ, và lúc đó ông Hồ và ĐCSVN mới bung về đồng bằng hoạt động mạnh mẽ và gây thêm uy thế được.

Ông Hồ và ĐCSVN không dành được thắng lợi lớn lao được nếu không có sự tham gia rộng rãi của toàn dân, và sự tranh đấu anh dũng và sự hy sinh vô biên của hàng vạn thanh niên Việt. Trong số này trí thức, chuyên gia đủ mọi ngành đóng một vai trò then chốt. Nhờ có họ, và nhờ lòng yêu nước vô biên và lý tưởng vị kỷ cao cả của họ, sự thành thực hợp tác và tận tụy làm việc của họ, chính quyền ông Hồ lúc đó mới có đủ chuyên viên và cán bộ, kể cả cán bộ quân sự, để duy trì và điều hành bộ máy hành chính và cầm cự với Pháp trong lúc ĐCS chỉ lèo tèo có 5000 đảng viên, trong đó chỉ có một số rất ít trí thức và chuyên viên.

Sự tổng hợp của những yếu tố trên đưa đến chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị Genève, và sự Pháp công nhận độc lập chủ quyền hoàn toàn của Việt Nam đối với cả hai phe, quốc gia và cộng sản. Điều này có nghĩa là những người Việt Nam đã tranh đấu và hy sinh trong cả hai phía đều tranh đấu cho toàn nước Việt Nam và năm 1954 đã đạt được kết quả cho toàn nước Việt Nam. Đó là về phương diện mục tiêu quốc tế. Về phương diện mục tiêu quốc nội thì lại khác.

### Tình hình từ 1954 đến 1975

Năm 1954 là khởi điểm của một cuộc chiến "quốc-cộng" rõ ràng, một chiến tranh mà bản chất là nội chiến, giữa những người Việt chủ trương hay chấp nhận chủ nghĩa cộng sản và những người chống chủ nghĩa cộng sản. Nhưng, đồng thời, cuộc chiến này cũng là một bộ phận của cuộc chiến toàn cầu giữa những cường quốc tư bản và cộng sản, đặc biệt là giữa một đảng là Hoa Kỳ, một đảng là Liên Xô và Trung Cộng. Nó thường được gọi là "chiến tranh lạnh".

Việt Nam bị kéo vào cuộc chiến tranh lạnh với bao nhiêu tai hại của nó, trong khi các nước Đông Nam Á khác không bị như vậy. Đó là vì ông Hồ và ĐCSVN đã theo bè Liên Xô và Trung Cộng coi Hoa Kỳ là kẻ thù phải tiêu diệt. Vì chiến tranh lạnh là một sự cò cưa giữa Hoa Kỳ và Nga-Hoa, vì ông Hồ và ĐCSVN biến Việt Nam thành "một tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á", như họ hằng hãnh diện và hân hoan tuyên bố, nên dân Việt Nam phải chịu hậu quả của một cuộc chiến tranh dài dằng dặc và tàn khốc, gây không biết bao nhiêu thiệt hại và chết chóc. Tình trạng đó kéo dài trong 36 năm, từ năm 1954, hay đúng hơn, trong 43 năm, từ năm 1947, cho đến khi chiến tranh lạnh chấm dứt vào năm 1990. Không những Việt Nam bị lôi cuốn vào chiến tranh lạnh đó, Việt Nam là một chiến trường khốc liệt của cuộc chiến đó. Việt Nam bị tê liệt và tụt hậu ngày nay so với các nước Đông Nam Á khác là vì ông Hồ và ĐCSVN đã nhất quyết "kiên trì" theo con đường cộng sản chủ nghĩa trong một thời gian quá lâu. Nếu chính phủ

ông Hồ không cộng sản thì vấn đề độc lập Việt Nam chỉ giải quyết trong vài tháng, hay một năm vì được đưa ra Liên Hiệp Quốc, như vấn đề Nam Dương, và nhân dân Việt Nam khỏi phải chịu đựng thêm hơn 40 năm chiến tranh tàn khốc. Điều này phải nói lớn lên cho dân chúng Việt Nam hiểu để họ phản ứng đúng khi nghe lãnh đạo và các cơ quan tuyên truyền cộng sản khoe khoang về tính chất "thần thánh" của sự lãnh đạo của "Bác và Đảng", để đòi dân phải tri ân họ.

Vì Hoa Kỳ vụng về trong kỹ thuật tuyên truyền trong khi Liên Xô, Trung Cộng và Việt Cộng rất tinh xảo về phương diện này nên phần lớn dư luận quốc tế, và nhất là dư luận Việt Nam, coi cuộc chiến 1954-1975 như là một cuộc "chiến tranh chống Mỹ cứu nước" để bảo vệ độc lập và chủ quyền Việt Nam. Điều này không đúng. Không đúng vì chính lãnh đạo và các cơ quan tuyên truyền cộng sản vẫn hằng nhắc đi nhắc lại trong những năm 1954-1990, chiến tranh của ĐCSVN là một "chiến tranh bảo vệ hoà bình". Trong ngôn ngữ của cộng sản, "bảo vệ hoà bình" đồng nghĩa với "bảo vệ Liên xô". Đúng lý ra thì phải ngược lại. Cho nên những người cộng sản ngày nay không còn cộng sản nữa nói đúng khi họ cho rằng chiến tranh chống Mỹ là "sai lầm". Và họ có đủ thẩm quyền để nói lên điều này.

### **Thực sự phía quốc gia đã thắng**

Dù sao, khách quan mà xét, những người tranh đấu phía cộng sản đã ngăn trở được sự áp đặt lên đầu dân chúng Việt Nam một chế độ thực dân phong kiến lạc hậu, và những người tranh đấu phía quốc gia đã ngăn chặn được sự áp đặt lên đầu dân chúng Việt Nam một chế độ cộng sản ngoại lai bất nhân và bất lực. Điều này ngày nay mọi người đều thấy rõ. Người cả hai phía đều có công.

Riêng phê phía quốc gia, tuy họ thất bại về quân sự (vì nhiều lý do mà không có chỗ để bàn ở đây), họ đã tạo ra được một tình trạng không cho phép cộng sản thành công thực sự trong việc áp đặt một chế độ cộng sản lên đầu dân Việt Nam trong thời gian 1947-1975 và từ 1975 đến nay. Không những dân Miền Nam chống đối mạnh, mà tinh thần chống đối của họ còn lan ra Miền Bắc nữa. Họ đã làm cho ĐCS thất bại trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Do đó, có thể nói là về phương diện cộng sản hoá Việt Nam ĐCSVN đã thất bại, và phía Quốc gia đã thắng.

Sự thắng cuộc của phía quốc gia càng ngày càng rõ, vì càng ngày càng nhiều người trước kia theo cộng sản, nay đã, hay đang bỏ, cộng sản và đòi sự thực hiện một chế độ dân chủ đa nguyên đa đảng và một nền kinh tế tự do cho toàn quốc. Nếu những người phía quốc gia không có tranh đấu làm yếu sức cộng sản đi thì ngày nay những người chỉ vì lý tưởng vì nước vì dân đã đi theo cộng sản có tình ngộ cũng không cụ cựa được vì cộng sản đã trở thành quá mạnh. Như vậy, đối với họ, những người phía quốc gia, mà trước kia họ gọi là "Việt gian", "ngụy", "phản động" là những người đã giữ nước cho họ, và nhờ đó, ngày nay

tỉnh ngộ, thay đổi lập trường, họ mới nói lên tiếng nói trung thực của họ được mà không sợ bị dè bẹp vì đám cộng sản bảo thủ không có đủ sức để dè bẹp họ, và trong sự tiếp tục tranh đấu cho lý tưởng vì nước vì dân của mình họ có một hậu thuẫn hùng hậu là 36 triệu người trước kia thuộc phía quốc gia. Những người quốc gia là những người đã hy sinh rất nhiều, nếu không nói là tất cả, để cứu họ. Điều này, ngày nay cũng cần được nói lên rõ ràng. Và đồng thời, đến lúc những người đã nhờ sự hy sinh lớn lao đó mà có được ngày nay phải tranh đấu để tạo điều kiện cho những người quốc gia có thể trở về nước trong an toàn để cùng nhau tham gia vào công cuộc tái thiết và phát triển đất nước trong một bối cảnh tự do dân chủ.

Những biến chuyển trên đây đã đương nhiên tạo điều kiện cho sự thành hình của một liên minh của những phần tử chủ trương chính trị dân chủ và kinh tế tự do. Liên minh này là phe dân chủ tiến bộ gồm những người trước đây thuộc cả hai phía quốc gia và cộng. Có rất nhiều triệu chứng cho thấy phe dân chủ tiến bộ này đang đông và mạnh lên, trong khi phe cộng sản độc tài và phản động đang mất dần ủng hộ của dân chúng và ngay trong hàng ngũ của ĐCS đang yếu đi.

Vậy thì ngày nay ai thắng, ai bại? Ai phải coi ngày 30-4-1995 như ngày bại trận và ngày hận? Đó là những người cộng sản Mác-Lê "trung kiên", chớ không phải những người thuộc phe quốc gia và những người thuộc phe cộng sản trước đây đã theo cộng sản vì lý tưởng vì nước vì dân cao cả.

Từ nay, ngày 30-4-1995 phải được mọi người Việt Nam tha thiết với tự do dân chủ thực sự, bên này cũng như bên kia, coi như ngày bắt đầu giải phóng thực sự của toàn dân Việt Nam khỏi ách thực dân và cộng sản, và ngày bắt đầu suy vong của ĐCSVN độc tài và lạc hậu.

Ottawa, tháng 4 năm 1995.

Viết cho Ngày Nay và Tiếng Gọi Dân Tộc  
để đăng ngày 1/5/95